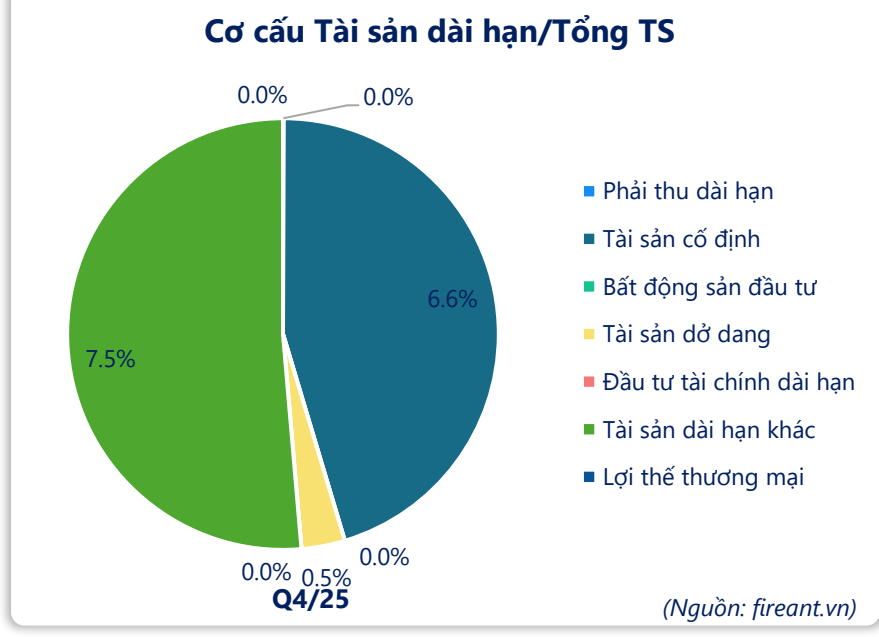
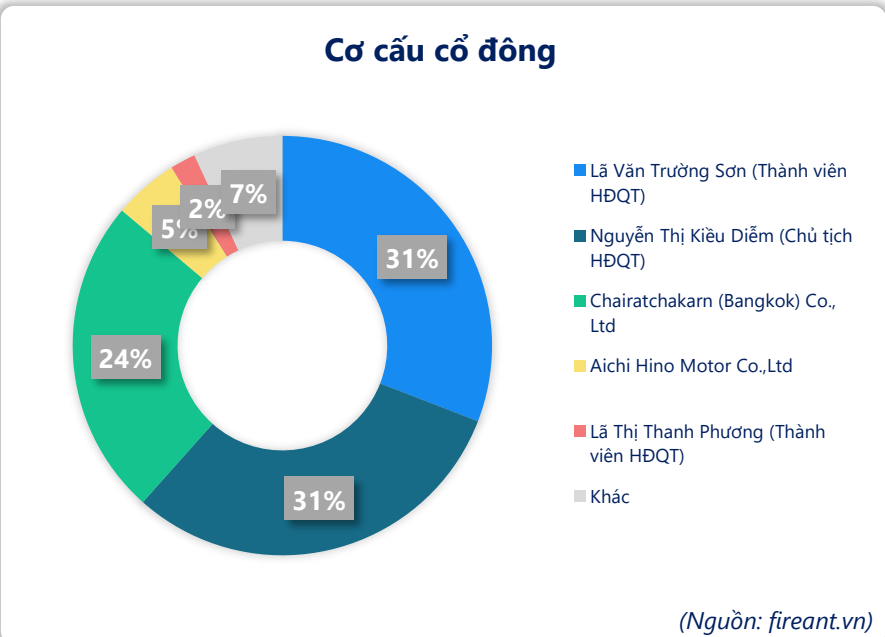
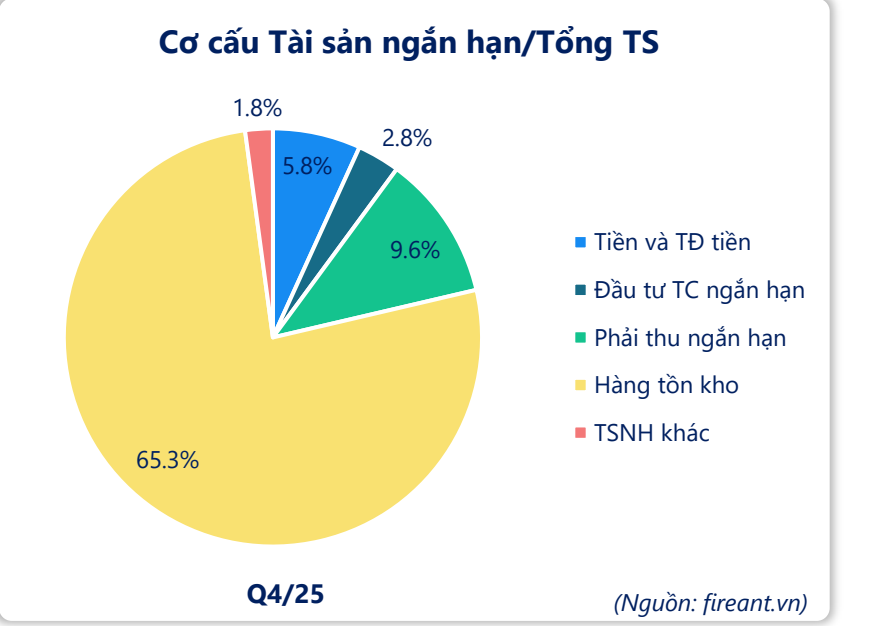
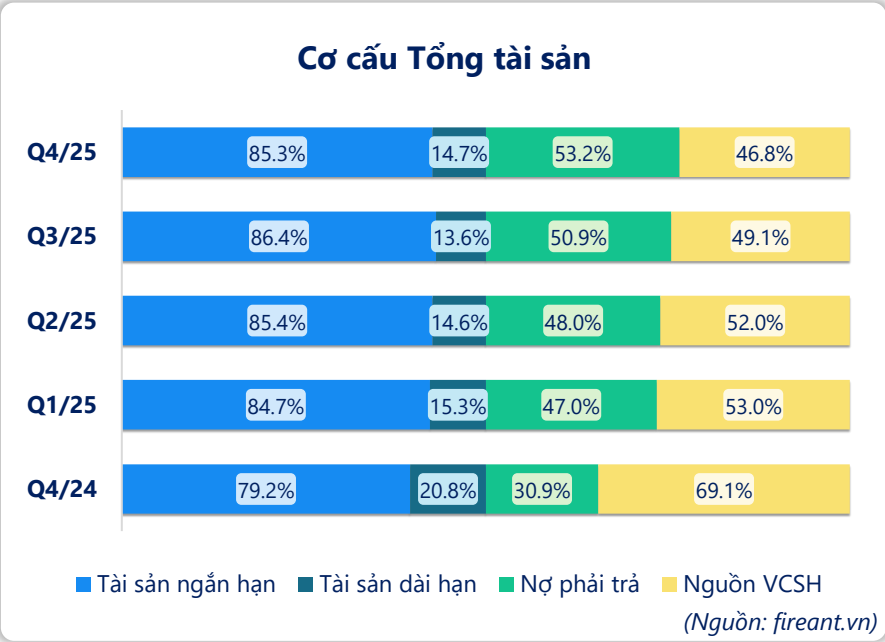
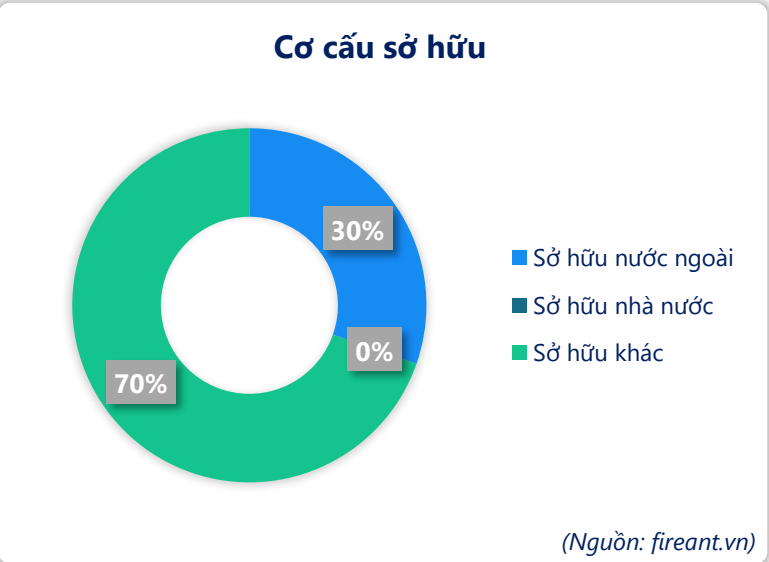
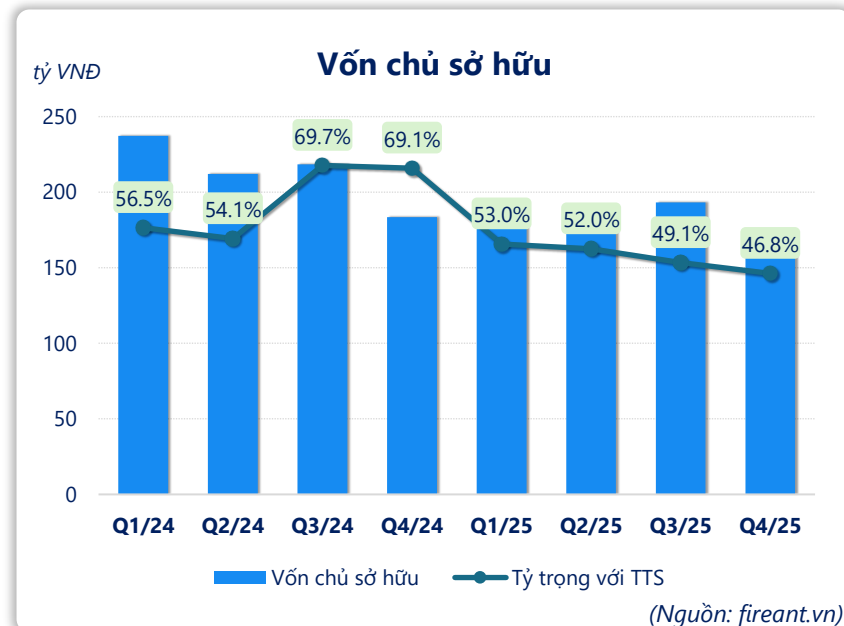
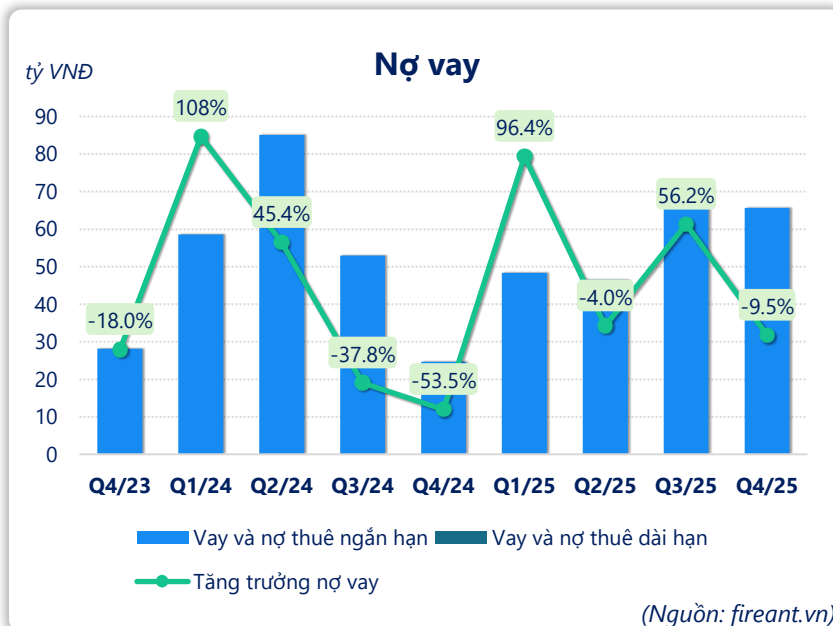
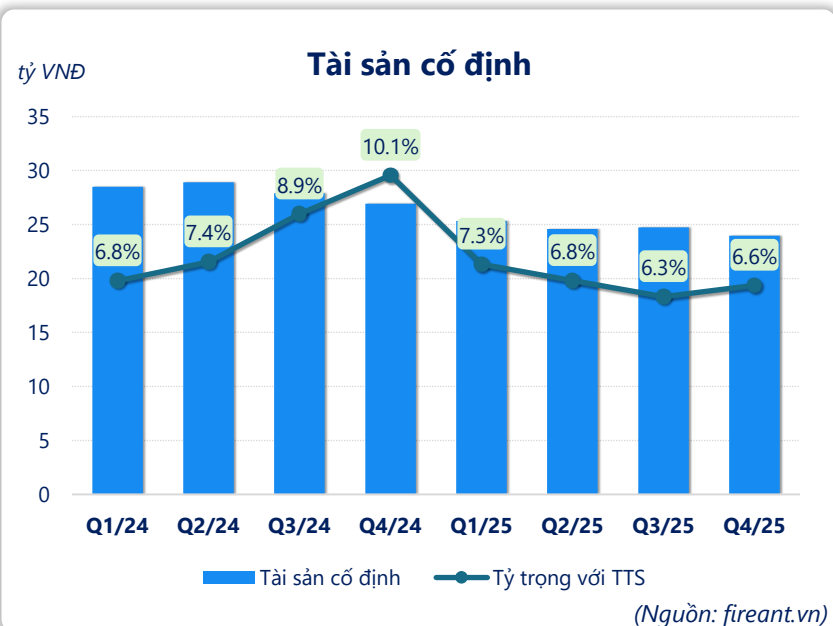
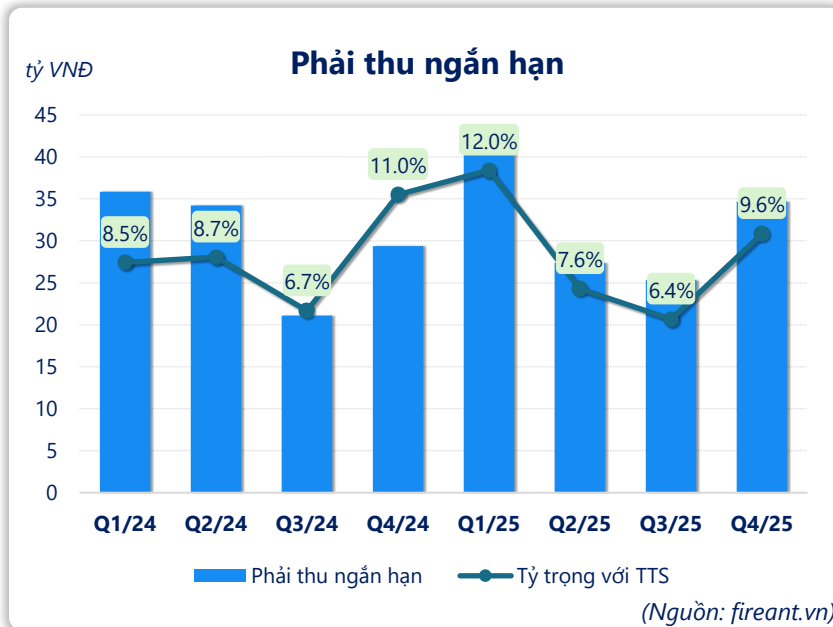
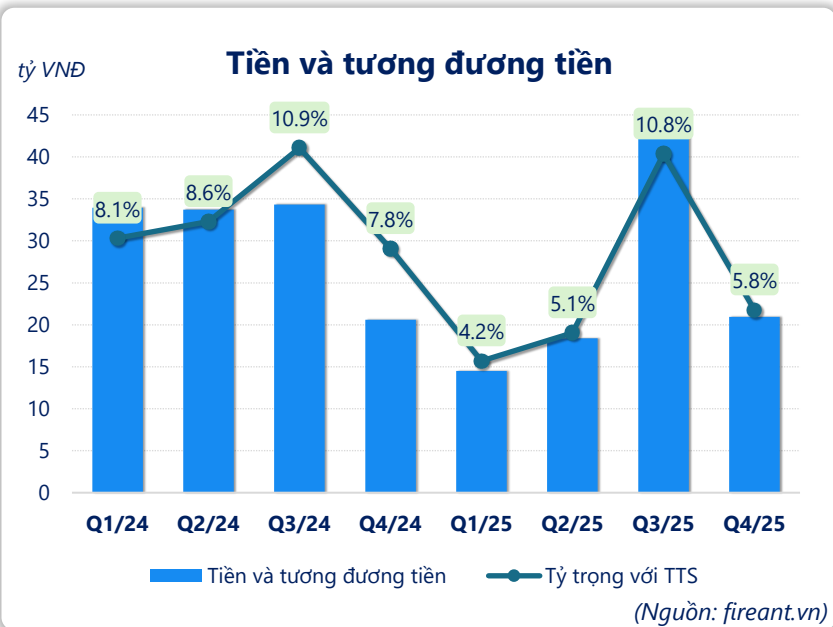
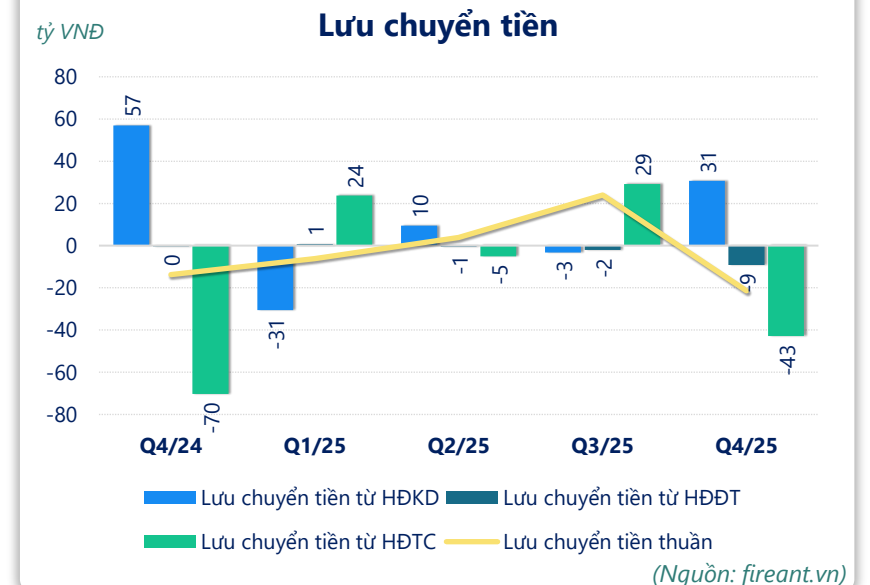
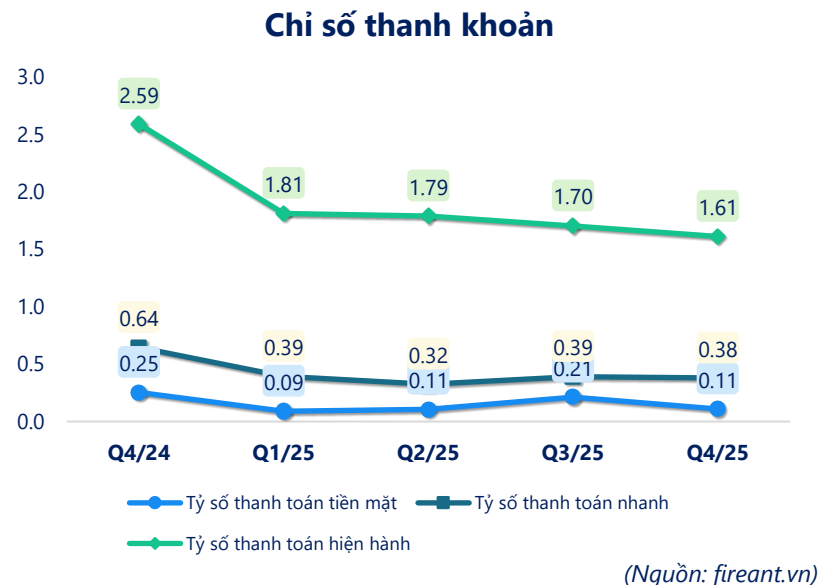
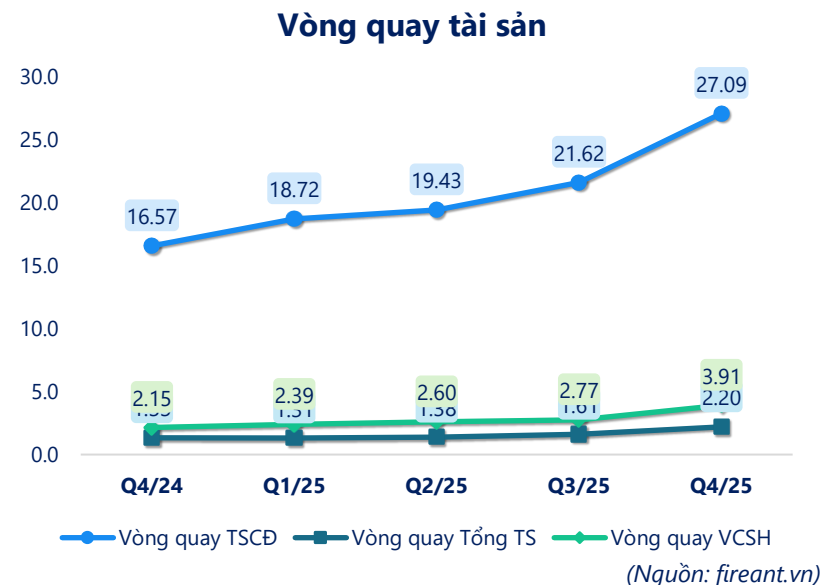
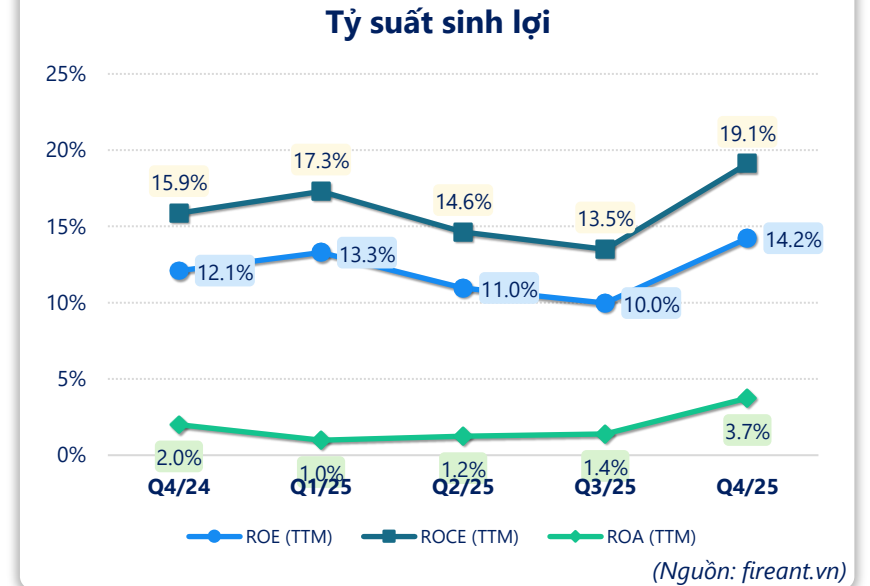
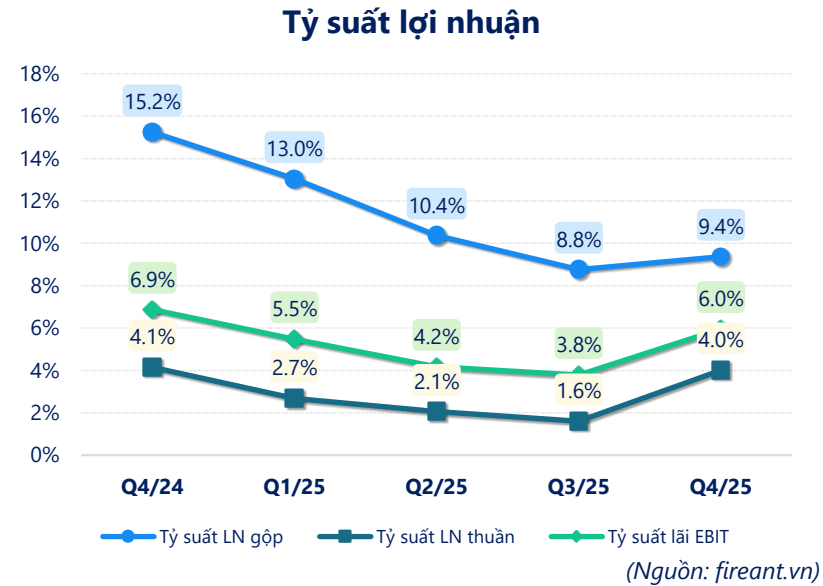
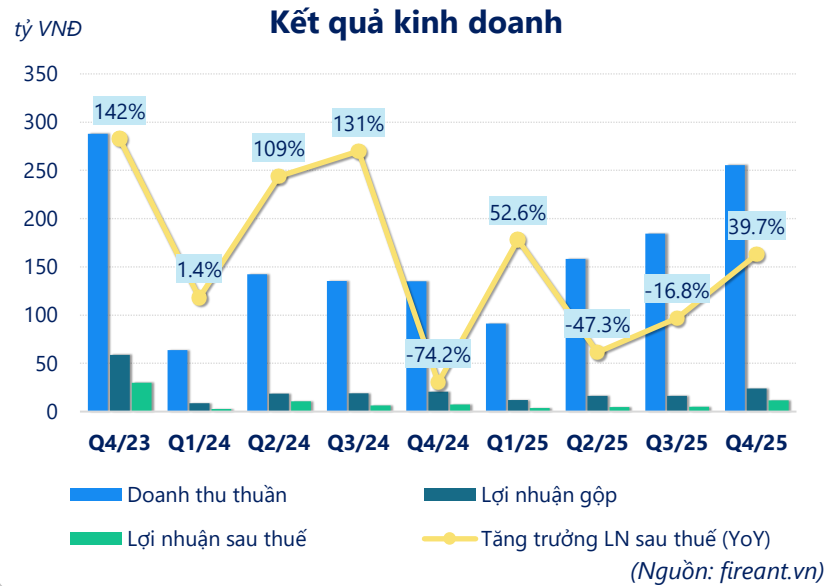


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,523
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,700
SL cổ phiếu LH		12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,415
% sở hữu nước ngoài		30.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		280
P/E		11.2
EPS		2,090

	YTD	1T	3T	6T
HTL	-11.0%	-2.5%	-0.9%	-9.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	361	266	35.9%
Tài sản ngắn hạn	308	211	46.3%
Tiền và tương đương tiền	20.9	20.6	1.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.2	0.15	6667%
Phải thu ngắn hạn	34.7	29.3	18.1%
Hàng tồn kho	236	158	49.1%
Tài sản ngắn hạn khác	6.58	2.42	172%
Tài sản dài hạn	52.9	55.1	-4.0%
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	24.0	26.9	-10.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.72	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	27.2	28.2	-3.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	192	85.8	124%
Nợ ngắn hạn	191	84.8	126%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	65.7	24.6	167%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.2	31.1	113%
Nợ dài hạn	0.76	0.98	-22.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	169	180	-6.1%
Vốn chủ sở hữu	169	180	-6.1%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	135	91.1	158	185	255
Giá vốn hàng bán	114	79.2	142	168	232
Lợi nhuận gộp	20.6	11.9	16.4	16.2	23.9
Doanh thu HĐTC	0.40	0.02	0.24	0.36	1.61
Chi phí TC	0.17	0.47	0.65	0.76	0.80
Chi phí lãi vay	0.16	0.27	0.53	0.76	0.80
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.01	4.82	7.16	7.01	8.36
Chi phí QLDN	6.22	4.16	5.59	5.80	6.14
LN thuần từ HĐKD	5.60	2.45	3.25	2.96	10.3
Lợi nhuận khác	3.52	2.27	2.85	3.26	4.18
LN trước thuế	9.12	4.72	6.10	6.22	14.4
Lợi nhuận sau thuế	7.17	3.77	4.67	4.91	11.7
LNST của CĐ cty mẹ	7.17	3.77	4.67	4.91	11.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	57.0	-30.5	9.51	-3.23	30.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.37	0.67	-0.58	-2.04	-9.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-70.4	23.8	-5.04	29.2	-42.9
Tiền đầu kỳ	34.3	20.6	14.5	18.4	42.4
Lưu chuyển tiền thuần	-13.7	-6.10	3.90	24.0	-21.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.6	14.5	18.4	42.4	20.9

(Nguồn: fireant.vn)